

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2022
V/v xin ly hôn, nghĩa vụ về con chung
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Sa Hoàng Nhật Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mùa Thị C, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hàng A C2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mùa Thị C trình bày như sau:

Chị và anh Hàng A C2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 11/03/2014 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống anh Hàng A

C2 nhiều lần ngoại tình, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng chồng không thay đổi. Sau khi xảy ra sự việc, anh C2 đã bỏ đi làm ăn xa, khi liên lạc bằng điện thoại thì nói đi làm để có tiền đưa cho vợ con nhưng thực tế, anh C2 không đưa tiền cho chị nuôi con. Do đó, vợ chồng nhiều lần xảy ra bất đồng, tình cảm rạn nứt. Anh C2 đã hứa sẽ khắc phục, trở về gia đình chăm sóc vợ con nhưng anh C2 vẫn không về, đi làm xa, bỏ mặc vợ con. Hiện tại, chị xác định không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C2.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Hàng A C3, sinh ngày 14/02/2007, cháu Hàng Thị P, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Hàng A P2, sinh ngày 20/03/2011. Hiện tại cả ba cháu đều do chị nuôi dưỡng, anh C2 không gửi tiền về cho gia đình nuôi con, thường xuyên đi vắng nhà nên không thể nuôi dưỡng được con chung. Do đó, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả ba đứa con. Đề nghị anh C2 cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000VNĐ/tháng. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị C rút yêu cầu đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án này.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Hàng A C2 về địa chỉ Bản N, xã N, huyện Mai Sơn (nơi cư trú của vợ chồng). Tòa án đã tiến hành xác minh, xác định anh Hàng A C2 đã được thông báo biết việc Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của chị C. Tuy nhiên, anh C2 không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng tại Ban quản lý Bản và những người hàng xóm của anh chị. Qua xác minh, xác định: Anh Hàng A C2 và chị Mùa Thị C có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh C2 không quan tâm đến gia đình, hay chơi bời, đi làm ăn xa nhưng không mang tiền về hỗ trợ vợ nuôi con. Gia đình đã tiến hành hòa giải và anh C2 hứa sẽ sửa đổi, không đi làm ăn xa và chăm sóc vợ con. Tuy nhiên anh C2 không thay đổi. Anh C2 đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về địa phương nhưng không báo lại thời gian cụ thể. Về con chung, chị C và anh C2 có 03 con chung, hiện đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không nắm được.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố

tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mùa Thị C và anh Hàng A C2. Về con chung: Giao cháu Hàng A C3, sinh ngày 14/02/2007, cháu Hàng Thị P, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Hàng A P2, sinh ngày 20/03/2011 cho chị Mùa Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Mùa Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Hàng A C2 có địa chỉ tại: Bản N, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Qua xác minh xác định bị đơn đã biết được nội dung chị C xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc thông qua Ban quản lý Bản nhưng bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không cung cấp chính xác địa chỉ mới. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Mùa Thị C và anh Hàng A C2.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Mùa Thị C và anh Hàng A C2 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014, anh chị đã được UBND xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2011. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị C cho rằng nguyên nhân là do anh C2 ngoại tình, không chăm lo vợ con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh C2 đã bỏ đi làm ăn xa, không gửi tiền về chăm sóc con. Anh C2 không sử đổi nên mâu thuẫn càng trầm trọng. Qua xác minh xác định, vợ chồng chị C anh C2 có mâu thuẫn như chị C trình bày. Hiện anh C2 đi làm xa, thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng không chăm lo đến con cái. Về con chung, anh chị có 03 con chung hiện đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mùa Thị C, xử cho chị C được ly hôn với anh Hàng A C2.

[2.2] *Về con chung:* Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ xác định, chị C và anh C2 có 03 con chung là cháu Hàng A C3, sinh ngày 14/02/2007, cháu Hàng Thị P, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Hàng A P2, sinh ngày 20/03/2011. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung và chưa yêu cầu anh C2 cấp dưỡng nuôi con chung. Qua xác minh xác định cả 03 con chung đều đang ở cùng chị C và do chị C trực tiếp chăm sóc. Anh C2 thường xuyên đi làm xa, ít khi về địa phương và cũng không chăm lo đến con cái. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và các con chung, giao cháu Hàng A C3, sinh ngày 14/02/2007, cháu Hàng Thị P, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Hàng A P2, sinh ngày 20/03/2011 cho chị Mùa Thị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh C2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C do chị C không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đều khẳng định không đề nghị Tòa án giải quyết. Qua xác minh anh C2 không có mặt tại địa phương nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] *Về án phí:* Chị C phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mùa Thị C và anh Hàng A C2.
2. Về con chung: Giao cháu Hàng A C3, sinh ngày 14/02/2007, cháu Hàng Thị P, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Hàng A P2, sinh ngày 20/03/2011 cho chị Mùa Thị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận việc chị C không yêu cầu anh C2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh C2 được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh C2 được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Mùa Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002272 ngày 14 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*đã ký)

Nông Văn Thịnh